

Số: ~~1066~~/BGDDT-GDDH

Hà Nội, ngày ~~16~~ tháng 3 năm 2023

V/v rà soát, sửa đổi, bổ sung và cập nhật cơ sở dữ liệu về khu vực ưu tiên phục vụ công tác thi tốt nghiệp THPT và tuyển sinh ĐH, CĐ năm 2023

Kính gửi: Các sở giáo dục và đào tạo<sup>1</sup>

Để có thông tin, cơ sở dữ liệu về khu vực ưu tiên phục vụ công tác thi tốt nghiệp THPT và tuyển sinh trình độ đại học (ĐH), tuyển sinh trình độ cao đẳng (CĐ) ngành Giáo dục Mầm non (GDMN) năm 2023 được đầy đủ, chính xác, đúng Quy chế tuyển sinh hiện hành, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) yêu cầu các sở giáo dục và đào tạo cử cán bộ có năng lực, kinh nghiệm trong việc rà soát khu vực ưu tiên thực hiện các công việc sau:

1. Đăng nhập vào Phần mềm Quản lý thi THPT và Tuyển sinh ĐH, CĐ ngành GDMN (sau đây gọi chung là Hệ thống) tại địa chỉ <http://quanly.thitotnghiepthpt.edu.vn> theo tài khoản và mật khẩu đã được cấp năm 2022 để thực hiện:

1.1. Rà soát, sửa đổi, bổ sung và cập nhật các thông tin về: khu vực ưu tiên của trường THPT; tỉnh, huyện; xã khó khăn, xã đặc biệt khó khăn, xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc diện được ưu tiên theo quy định tại Quy chế tuyển sinh hiện hành.

1.2. Cập nhật các điểm tiếp nhận hồ sơ đăng ký dự thi và xét tuyển.

1.3. Cập nhật các thông tin mới nhất của sở GDĐT: lãnh đạo sở, phòng khảo thí/phòng quản lý thi, phòng giáo dục chuyên nghiệp; cán bộ làm công tác tuyển sinh, làm công tác ưu tiên, máy tính.

Nội dung, quy trình rà soát, sửa đổi, bổ sung và cập nhật thực hiện đúng theo Hướng dẫn tại các phụ lục kèm theo Công văn này.

2. Sau khi thực hiện xong quy trình trên Hệ thống, sở GDĐT xuất báo cáo tổng hợp kết quả rà soát, bao gồm các danh mục: khu vực ưu tiên của trường THPT; khu vực ưu tiên của tỉnh, huyện; các xã khó khăn, xã đặc biệt khó khăn để tiếp tục kiểm tra, rà soát. Sau đó, Lãnh đạo Sở GDĐT ký xác nhận và lưu tại sở GDĐT để phục vụ cho công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra; đồng thời chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung báo cáo trên Hệ thống. Việc rà soát, sửa đổi, bổ sung và cập nhật cơ sở dữ liệu về khu vực ưu tiên đề nghị hoàn thành trên Hệ thống trước ngày 10/4/2023.

3. Công khai các thông tin liên lạc để hỗ trợ giải đáp thắc mắc cho thí sinh, phụ huynh trong quá trình đăng ký dự thi tốt nghiệp THPT, đăng ký xét tuyển

<sup>1</sup> Bao gồm Sở Giáo dục Khoa học và Công nghệ tỉnh Bạc Liêu

trình độ ĐH, trình độ CĐ ngành GDMN tại Cổng thông tin tuyển sinh của sở GDĐT, Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT.

Trong quá trình thực hiện, nếu cần trao đổi về việc xác định khu vực ưu tiên trong tuyển sinh, đề nghị các sở GDĐT liên hệ với Bộ GDĐT qua Vụ Giáo dục Đại học (ông Phạm Văn Lương - Chuyên viên chính Vụ Giáo dục Đại học, điện thoại: 0868310868, email: pvluong@moet.gov.vn).

Bộ Giáo dục và Đào tạo yêu cầu các sở GDĐT thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung của Công văn này./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- TT. Nguyễn Hữu Độ (để phối hợp chỉ đạo);
- Cục QLCL, Cục CNTT (để thực hiện);
- Lưu: VT, GDDH.



**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Hoàng Minh Sơn**

## PHỤ LỤC 1

(Kèm theo Công văn số 1066/BGDĐT-GDDH ngày 16 tháng 3 năm 2023)

### HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN RÀ SOÁT DỮ LIỆU VỀ KHU VỰC ƯU TIÊN

1. Căn cứ vào Quy chế tuyển sinh trình độ đại học (ĐH); trình độ cao đẳng (CĐ) ngành Giáo dục Mầm non (GDMN) hiện hành, các sở GDĐT cần nghiên cứu kỹ các văn bản được liệt kê tại Phụ lục 2 để sử dụng cho việc rà soát về khu vực ưu tiên.

*Trường hợp các sở GDĐT có các văn bản cá biệt khác liên quan đến khu vực ưu tiên cần báo cáo về Bộ GDĐT qua Vụ Giáo dục Đại học (GDDH) để cập nhật vào Phần mềm Quản lý thi THPT và Tuyển sinh ĐH, CĐ ngành GDMN (Hệ thống).*

#### 2. Quy trình thực hiện như sau:

**2.1. Bước 1:** Sở GDĐT đăng nhập vào Hệ thống tại địa chỉ <http://quanly.thitotnghiepthpt.edu.vn> theo tài khoản và mật khẩu đã được cấp năm 2021 để thực hiện rà soát, sửa đổi, bổ sung các danh mục theo quy định trong các văn bản tại Phụ lục 2. Việc rà soát, sửa đổi, bổ sung phải tuân thủ theo đúng quy định, hướng dẫn trong Phụ lục 2 và tài liệu hướng dẫn. Các danh mục cần rà soát như sau:

- Danh mục đơn vị đăng ký dự thi;
- Danh mục tỉnh, huyện;
- Danh mục xã khó khăn, xã đặc biệt khó khăn;
- Danh mục trường THPT (quy định khu vực của từng trường).

**2.2. Bước 2:** Căn cứ vào các văn bản trong Phụ lục 2, các sở GDĐT rà soát, kiểm tra: nếu có sửa đổi, bổ sung hay xóa bỏ thì cập nhật ngay vào Hệ thống. Các bước thực hiện theo tài liệu hướng dẫn đính kèm.

**Lưu ý:** các sở GDĐT giữ ổn định và **KHÔNG ĐƯỢC** thay đổi mã xã, mã quận/huyện, thị xã/thành phố, mã trường THPT đã có.

Trên cơ sở rà soát đề xuất của Sở GDĐT, căn cứ vào các văn bản có hiệu lực tại các thời điểm và các minh chứng kèm theo, Vụ GDDH sẽ kiểm tra, thống nhất với sở từng trường hợp có thay đổi.

**2.3. Bước 3:** Các sở GDĐT vào Hệ thống tải các danh mục: tỉnh, huyện; xã khó khăn, xã đặc biệt khó khăn; trường THPT rà soát, kiểm tra lại, hoàn thành trước ngày 10/4/2023.

**2.4. Bước 4:** Vụ GDDH tải dữ liệu về khu vực ưu tiên toàn quốc được xuất ra từ Hệ thống; chuyển sang file PDF gửi để các sở GDĐT tiếp tục kiểm tra, rà soát.

**2.5. Bước 5:** Vụ GDDH đưa các danh mục về khu vực ưu tiên (file PDF) lên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ.

3. Trước ngày 15/4/2023, Sở GDĐT vào địa chỉ <https://thituyensinh.vn> để kiểm tra các danh mục khu vực ưu tiên của sở.

Vụ GDĐH đề nghị các sở thường xuyên vào địa chỉ <https://thituyensinh.vn> để cập nhật các thông tin mới nhất về tuyển sinh: các văn bản về tuyển sinh, đăng ký xét tuyển; thông tin liên lạc của sở để giải đáp thắc mắc của thí sinh;...

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc xin liên hệ với trực tiếp với Vụ Giáo dục Đại học, Bộ GDĐT (Chuyên viên Phạm Văn Lương, điện thoại: 0868310868; email: [pvluong@moet.gov.vn](mailto:pvluong@moet.gov.vn)).

Bộ GDĐT yêu cầu các sở GDĐT thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung trên./.

---

## PHỤ LỤC 2

(Kèm theo Công văn số 1066/BGDĐT-GDDH ngày 16 tháng 3 năm 2023)

### QUY ĐỊNH KHU VỰC ƯU TIÊN TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC; TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON NĂM 2023

#### 1. Quy định về Khu vực tuyển sinh:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 7 (theo Phụ lục I) của Quy chế tuyển sinh ĐH; CĐ ngành Giáo dục Mầm non hiện hành, các khu vực tuyển sinh được phân chia như sau:

Khu vực 1 (KV1) gồm: Các xã khu vực I, II, III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

- Khu vực 2 - nông thôn (KV2-NT) gồm: Các địa phương không thuộc KV1, KV2, KV3.

- Khu vực 2 (KV2) gồm: Các thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh; các thị xã, huyện ngoại thành của thành phố trực thuộc Trung ương (trừ các xã thuộc KV1).

- Khu vực 3 (KV3) gồm: Các quận nội thành của thành phố trực thuộc Trung ương. Thí sinh thuộc KV3 không thuộc diện hưởng ưu tiên khu vực.

**2. Theo quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành, các xã thuộc khu vực ưu tiên bao gồm:** "Các xã khu vực I, II, III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 theo quy định của Thủ tướng Chính phủ." (Khoản 1, Điều 7 (theo Phụ lục I của Quy chế)) và "...các xã khu vực III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Thủ tướng Chính phủ; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 (theo Quyết định số 135/QĐ-TTg ngày 31/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ); các thôn, xã đặc biệt khó khăn tại các địa bàn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ" (Điểm c, khoản 1, Điều 7)

#### 3. Các văn bản làm căn cứ để xác định khu vực ưu tiên

**3.1. Các xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi được quy định tại:**

1. Quyết định 447/QĐ-UBND ngày 19/9/2013 của Bộ trưởng, chủ nhiệm ủy ban dân tộc, về việc Công nhận thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi giai đoạn 2012-2015.

2. Quyết định số 68/QĐ-UBND ngày 19/3/2014 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về việc công nhận bổ sung thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi giai đoạn 2012-2015.

3. Quyết định số 601/QĐ-UBND ngày 29/10/2015 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc.

4. Quyết định 73/QĐ-UBND ngày 29/02/2016 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về việc điều chỉnh khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc miền núi. Quyết định này thay thế nội dung các xã tương ứng trong quyết định 447/QĐ-UBND.

5. Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành về việc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020.

6. Quyết định số 103/QĐ-TTg ngày 22/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt bổ sung, điều chỉnh và đổi tên danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020.

7. Công văn số 389/UBND-CSĐT ngày 30/3/2020 hướng dẫn thực hiện chính sách dân tộc, trong đó có việc quy định các xã, thôn hoàn thành mục tiêu Chương trình 135; các đơn vị hành chính cấp xã sau sắp xếp, sáp nhập, đổi tên.

8. Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành về việc phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II và khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc và thiểu số giai đoạn 2021-2025.

9. Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2025.

### **3.2. Các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo được quy định tại:**

1. Quyết định số 539/QĐ-TTg ngày 1/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ, về việc phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2013-2015.

2. Quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 13/04/2015, của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã đảo thuộc tỉnh Bình Định

3. Quyết định số 2311/QĐ-TTg ngày 18/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã đảo thuộc tỉnh Kiên Giang.

4. Quyết định số 2312/QĐ-TTg ngày 18/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã đảo thuộc tỉnh Khánh Hòa.

5. Quyết định số 202/QĐ-TTg ngày 01/2/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã đảo thuộc tỉnh Bình Thuận.

6. Quyết định số 810/QĐ-TTg ngày 13/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã đảo thuộc tỉnh Trà Vinh.

7. Quyết định số 1900/QĐ-TTg ngày 04/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã đảo thuộc tỉnh Sóc Trăng.

8. Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016-2020.

9. Quyết định số 1859/QĐ-TTg ngày 23/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã đảo thuộc thành phố Hải Phòng.

10. Quyết định 596/QĐ-TTg ngày 28/05/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Điều 2 Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016-2020.

11. Quyết định số 1421/QĐ-TTg ngày 25/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt bổ sung xã Vĩnh Hải, huyện Hải Ninh, tỉnh Ninh Thuận vào sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2018-2020 theo Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016-2020.

12. Quyết định số 1464/QĐ-TTg ngày 24/08/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã đảo thuộc tỉnh Quảng Nam.

13. Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025.

### **3.3. Các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã An toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 được quy định tại:**

1. Quyết định 2405/QĐ-TTg ngày 10/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 năm 2014 và năm 2015.

2. Quyết định số 495/QĐ-TTg ngày 08/04/2014 của Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 2405/QĐ-TTg ngày 10/12/2013.

3. Quyết định số 203/QĐ-TTg ngày 01/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu hoàn thành mục tiêu Chương trình 135 năm 2015.

4. Quyết định số 74/QĐ-UBND ngày 29/02/2016 của Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn hoàn thành mục tiêu Chương trình 135 năm 2015.

5. Quyết định số 204/QĐ-TTg ngày 01/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của chương trình 135 năm 2016.

6. Quyết định 75/QĐ-UBND ngày 29/02/2016 của Bộ trưởng, chủ nhiệm Ủy ban dân tộc về việc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vào diện đầu tư của Chương trình 135 năm 2016.

7. Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 19/04/2016 của Bộ trưởng, chủ nhiệm Ủy ban dân tộc về việc phê duyệt bổ sung danh sách thôn đặc biệt khó khăn vào diện đầu tư của Chương trình 135 năm.

8. Quyết định 900/QĐ-TTg ngày 20/06/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn 2017-2020.

9. Quyết định số 414/QĐ-UBND ngày 11/7/2017 của Bộ trưởng, chủ nhiệm Ủy ban dân tộc về việc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vào diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn 2017 – 2021.

10. Quyết định số 121/QĐ-TTg ngày 23/01/2018 về việc công nhận Xã An toàn khu tại tỉnh Ninh Bình.

11. Quyết định 2475/QĐ-TTg ngày 19/12/2016 về việc công nhận Xã An toàn khu và Vùng An toàn khu ở tỉnh Lạng Sơn.

12. Quyết định 235/QĐ-TTg ngày 27/02/2019 về việc công nhận Xã An toàn khu và Vùng An toàn khu ở tỉnh Sóc Trăng.

13. Quyết định 1614/QĐ-TTg ngày 22/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận Xã An toàn khu tại tỉnh Ninh Thuận.

14- Quyết định 164/QĐ-TTg ngày 07/02/2017 của Thủ tướng Chính phủ về Công nhận các xã An toàn khu tại tỉnh Quảng Nam.

15. Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 24/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Chính sách hỗ trợ xã ATK, vùng ATK trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ.

16. Quyết định số 164/QĐ-TTg ngày 03/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã ATK thuộc tỉnh Kiên Giang.

17. Quyết định số 270/QĐ-TTg ngày 24/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã ATK thuộc tỉnh Sóc Trăng.

18. Quyết định số 1803/QĐ-TTg ngày 13/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã ATK, vùng ATK trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Và các quyết định, văn bản khác liên quan đến khu vực ưu tiên nhưng không trái với quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành. Trong trường hợp này, đề nghị các sở GDĐT báo cáo về Vụ GDĐH để xem xét và cập nhật vào Hệ thống.

---